

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch và công chứng áp dụng tại Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 2006/STP-VP ngày 21/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ **05** thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành trong lĩnh vực quốc tịch và **04** TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng áp dụng tại Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Công báo - Tin học) và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này, trong thời hạn 03 ngày làm việc xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo đúng quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành, bãi bỏ Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính tại số thứ tự 1,2,3,4 thuộc lĩnh vực công chứng ban hành kèm theo Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 và Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc: Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Giám đốc Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH, CÔNG CHỨNG ÁP DỤNG TẠI SỞ TƯ PHÁP HÀ TĨNH**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	TTHC ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH (05 TTHC)					
1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	2.001895	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền là: 53 ngày đối với hồ sơ xác minh thông thường hoặc 68 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh); - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	- Phí: 100.000 đồng/ trường hợp. - Miễn lệ phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025. - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ

					giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.	trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - <i>Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i>
2	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	2.002039	105 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh).	- Phí: Không; - Lệ phí: 3.000.000 đồng/trường hợp; - Miễn lệ phí	Như trên

				Không uỷ quyền cho người khác nộp hồ sơ.	đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền	
--	--	--	--	---	---	--

					của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.	
3	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2.002038	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	- Nộp trực tiếp hoặc Gửi qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh); - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia https://dichvucong.gov.vn. - Không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ.	- Phí: Không - Lệ phí: 2.500.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đối với Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.	Như trên
4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2.002036	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Như trên	- Phí: Không - Lệ phí: 2.500.000	Như trên

					đồng/trường hợp	
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	1.005136	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền: - 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp).	Như trên	- Phí: 100.000 đồng/trường hợp; - Lệ phí: Không; - Miễn phí đối với người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của	Như trên

					UBND cấp xã.	
II	TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (04 TTHC)					
1	Bổ nhiệm công chứng viên	1.013803	- Thời hạn Sở Tư pháp xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn xác minh hồ sơ không quá 15 ngày làm việc. - Thời hạn Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh); - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Cổng Dịch vụ công Quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Công chứng 2024. - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật công chứng. - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng. - Quyết định số 2009/QĐ-BTP ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

2	Bổ nhiệm lại công chứng viên	1.013804	- Thời hạn Sở Tư pháp xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn xác minh không quá 15 ngày làm việc. - Thời hạn Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ.	Như trên
3	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	1.013805	- Thời hạn Sở Tư pháp xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh miễn nhiệm: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định miễn	Như trên	Không	Như trên

			nhiệm: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Trường hợp thông tin trong hồ sơ đề nghị miễn nhiệm chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác minh thì việc xác minh thực hiện không quá 20 ngày làm việc, thời hạn Chủ tịch UBND xem xét, quyết định miễn nhiệm tính từ ngày chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được kết quả bổ sung, làm rõ hoặc xác minh thông tin			
4	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	1.013806	- Thời hạn Sở Tư pháp kiểm tra, trình Chủ tịch UBND tỉnh: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận: 10 ngày làm	Như trên	Không	Như trên

			việc.			
--	--	--	-------	--	--	--

**NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ TTHC ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI,
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH, CÔNG CHỨNG
ÁP DỤNG TẠI SỞ TƯ PHÁP HÀ TỈNH**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)

I. TTHC BAN HÀNH MỚI TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH (05 TTHC)

1. Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.QT.01	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Không		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Cổng Dịch vụ công Quốc gia https://dichvucong.gov.vn.		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam theo mẫu <i>BM.QT.01.01</i> hoặc theo mẫu <i>BM.QT.01.02</i> ; kèm 02 ảnh 4 x 6 chụp chưa quá 06 tháng.	x	
-	Giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Thẻ Căn cước, Căn cước điện tử, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp.		x
-	Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ để chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.		x

-	Trường hợp không có bất kỳ giấy tờ nào nêu trên thì tùy từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nộp bản sao giấy tờ về nhân thân, quốc tịch, hộ tịch do chế độ cũ ở miền Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956; giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài nơi người đó đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam.		x
	Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; <i>bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VneID)</i>. Nêu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì các giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; <i>Tờ khai phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</i>		
	- Trường hợp người yêu cầu nộp hồ sơ trực tuyến thì thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP như sau: + Người yêu cầu đăng nhập tài khoản vào Cổng Dịch vụ công quốc gia kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và nộp hồ sơ theo quy định, cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác, đính kèm bản điện tử. Trường hợp thông tin, dữ liệu điện tử của người yêu cầu đã được kết nối, chia sẻ giữa các cơ sở dữ liệu thì người yêu cầu không phải khai lại thông tin hoặc đính kèm hồ sơ, giấy tờ. Trường hợp không có bản điện tử thì đính kèm bản chụp hoặc bản sao các giấy tờ theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia, các nền tảng thanh toán khác hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật. + Sau khi hoàn tất việc nộp hồ sơ, người yêu cầu được cấp 01 mã số hồ sơ thủ tục hành chính để theo dõi, tra cứu tiến độ giải quyết hoặc truy cập để hoàn thiện hồ sơ khi có yêu cầu của cơ quan thụ lý. + Hồ sơ điện tử cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam được tiếp nhận tại Cổng Dịch vụ công quốc gia và thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh chuyển đến Phần mềm quản lý, giải quyết hồ sơ quốc tịch để cơ quan có thẩm quyền giải quyết. + Người có yêu cầu có thể lựa chọn nhận kết quả theo các phương thức sau: nhận bản điện tử gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó; nhận bản điện tử gửi vào thiết bị số, thông qua phương		

	<i>pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; nhận kết quả là bản giấy thông qua dịch vụ bưu chính và nộp chi phí trả kết quả; Nhận kết quả là bản giấy tại cơ quan thụ lý hồ sơ.</i>			
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
2.5	Thời hạn giải quyết: Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền là: 53 ngày đối với hồ sơ xác minh thông thường hoặc 68 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn).			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp. Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Không.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: - Hồ sơ đủ điều kiện: Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam. - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo cho công dân không đủ điều kiện cấp giấy.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ hệ thống bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn). 2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu phí theo quy định (nếu có). - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 02 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3

	không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.			
B2	Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và hỗ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý	Công chức TN&TKQ	01 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo Phòng HC&BTTP	01 ngày	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	Xem xét, kiểm tra thông tin trong hồ sơ, giấy tờ và dự thảo văn bản gửi cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh về nhân thân của người có yêu cầu; trình Lãnh đạo Sở ban hành.	Công chức được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo Sở	03 ngày làm việc	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo, Văn bản đề nghị xác minh về nhân thân
B5	Xác minh về nhân thân của người có yêu cầu, chuyển kết quả về Sở Tư pháp	Công an tỉnh	45 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài thêm nhưng không quá 60 ngày.	Kết quả xác minh
B6	Sau khi nhận kết quả xác minh, - thấy có đủ cơ sở để xác định người đó có nguồn gốc Việt Nam: ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam và : Dự thảo Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam; - Trường hợp không đủ cơ sở: Dự thảo Văn bản thông báo cho công dân không đủ cơ sở để cấp giấy; Trình lãnh đạo Phòng.	Công chức được giao xử lý hồ sơ	01 ngày làm việc	Mẫu 05, kết quả xác minh và Dự thảo Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc dự thảo Văn bản thông báo cho công dân không đủ cơ sở cấp giấy
B7	Kiểm tra hồ sơ, ký nháy, duyệt dự	Lãnh đạo	0,5 ngày	Mẫu 05, kết

	thảo kết quả giải quyết TTHC tại B6, trực tiếp hoặc giao chuyên viên trình Lãnh đạo Sở	Phòng HC&BTTP		quả xác minh và Dự thảo Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc dự thảo Văn bản thông báo cho công dân không đủ cơ sở cấp giấy đã ký nháy
B8	Ký duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B5, chuyển Phòng HC&BTTP để phát hành	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Mẫu 05 và Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc Văn bản thông báo cho công dân không đủ cơ sở cấp giấy
B9	Phát hành văn bản và trả kết quả cho Bộ phận TN & TKQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Văn thư	0,5 ngày	Mẫu 05, 06 và Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc Văn bản thông báo cho công dân không đủ cơ sở cấp giấy
B10	Trả kết quả cho tổ chức cá nhân	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06 kèm Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc Văn bản thông báo cho công dân không đủ cơ sở cấp giấy
	* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết			

	quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân. * Trong quá trình giải quyết hồ sơ, người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh : https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.	
3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	<i>BM.QT.01.01</i>	 BM.QT.01.01 <i>Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam</i>

	BM.QT.01.02	<i>Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện</i>  BM.QT.01.02
	BM.QT.01.03	<i>Biểu mẫu tương tác điện tử tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam</i>  BM.QT.01.03
	BM.QT.01.04	<i>Biểu mẫu tương tác điện tử tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện</i>  BM.QT.01.04
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có) và 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ.	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3.	
-	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho cá nhân biết trong trường hợp không đủ cơ sở để xác nhận là người gốc Việt Nam.	
Hồ sơ được lưu tại Phòng HC&BTTP, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

2. Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.QT.02
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	<i>Điều kiện thực hiện TTHC:</i>	

	- Người nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở trong nước có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây: + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ, người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam; + Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng văn hóa, truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam; + Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam; + Đang thường trú ở Việt Nam; + Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam; + Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam. - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện sau: + Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam; + Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam; + Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam. - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc một trong những trường hợp (có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ) có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện sau: + Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam; + Đang thường trú ở Việt Nam; + Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam; + Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam. - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc những trường hợp (có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam; có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ) được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép: + Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó;
--	---

	+ Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện được giữ theo quy định thì phải thôi quốc tịch nước ngoài. - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam. - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	Người xin nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh; không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ.		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	<i>Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam theo mẫu BM.QT.02.01 hoặc BM.QT.02.02;</i>	x	
-	Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế. Giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu đối với người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;		x
-	Bản khai lý lịch;	x	
-	Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	x	

-	Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp); bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại <i>khoản 1 Điều 11 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP</i>. Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư pháp và Sở Giáo dục và Đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình;		X
-	Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (phải là người đang thường trú tại Việt Nam và đã được cơ quan Công an có thẩm quyền của Việt Nam cấp Thẻ thường trú. Thời gian thường trú tại Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam được tính từ ngày người đó được cấp Thẻ thường trú);		X
-	Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam);		X
-	Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện		X

	tử, Cơ sở liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự	X	
-	Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau:		X
+	Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;		X
+	Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.	X	
	<i>Lưu ý:</i> Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:		
-	Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha đẻ, mẹ đẻ, con đẻ là công dân Việt		X

	Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con; nếu có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam thì nộp bản sao giấy tờ hợp lệ để chứng minh, trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;		
-	Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành);		x
-	Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: (phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam).	x	
* Lưu ý khi nộp hồ sơ: - Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người xin nhập quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký			

	xác nhận đã đối chiếu			
2.4	Số lượng hồ sơ: 03 bộ.			
2.5	Thời hạn giải quyết: 105 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền) -			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh.			
2.7	Cơ quan thực hiện: Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước. Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: - Hồ sơ đủ điều kiện: Quyết định cho phép nhập quốc tịch Việt Nam. - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân. 2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân thu phí theo quy định (nếu có) và ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ quốc tịch	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 02 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3

	- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ			
B2	Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và hỗ trợ tư pháp (HC&BTTP)	Công chức TN&TKQ	02 giờ	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng HC&BTTP	02 giờ	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	Chuyên viên được phân công có trách nhiệm kiểm tra và thụ lý hồ sơ; Dự thảo văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh việc nhập quốc tịch, trình lãnh đạo Phòng xem xét, ký nháy	Công chức Phòng HC&BTTP	02 ngày	Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh
B5	Kiểm tra hồ sơ, ký nháy duyệt dự thảo văn bản tại B4, trực tiếp hoặc giao chuyên viên trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng HC&BTTP	01 ngày	Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh đã ký nháy
B6	Ký duyệt dự thảo văn bản tại B5, chuyển Phòng HC&BTTP để phát hành	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Mẫu 05 và Văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh
B7	Phát hành văn bản	Văn thư	02 giờ	Mẫu 05 và Văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh
B8	Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Công an tỉnh	30 ngày	Mẫu 05 và Văn bản trả lời xác minh
	Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra	Sở Tư pháp		Danh mục đầy đủ các giấy tờ trong từng hồ sơ, kèm

	giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam; lập danh mục đầy đủ các giấy tờ trong từng hồ sơ, kèm danh sách những người xin nhập quốc tịch Việt Nam theo mẫu quy định.			danh sách những người xin nhập quốc tịch Việt Nam
B9	Nhận kết quả từ Công an tỉnh, hoàn thiện hồ sơ: + Nếu đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam: Dự thảo văn bản trình UBND tỉnh,; gửi bản điện tử và nộp hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; + Nếu không đủ điều kiện: Dự thảo văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện nhập quốc tịch và chuyển đến B14	Công chức được giao xử lý hồ sơ	05 ngày làm việc	Mẫu 05, 06 và Văn bản trình UBND tỉnh kèm hồ sơ hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện nhập quốc tịch
B10	Xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày làm việc	Văn bản gửi Bộ Tư pháp kèm hồ sơ
B11	Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, xem xét, kết luận: - Nếu đủ điều kiện: <i>Bộ trưởng Bộ tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định</i> - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ: Ban hành văn bản thông báo cho UBND tỉnh, Sở Tư pháp để hướng dẫn bổ sung hồ sơ và hoàn thiện đủ điều kiện. Trong vòng 9 tháng kể từ khi ra thông báo, nếu người xin nhập quốc tịch không bổ sung hồ sơ và điều kiện thì được	Bộ Tư pháp	20 - 30 ngày	Tờ trình gửi Chủ tịch nước kèm hồ sơ hoặc Văn bản thông báo hướng dẫn, bổ sung hồ sơ/ Văn bản trả hồ sơ/ Văn bản thông báo không đủ điều kiện nhập quốc tịch

	coi là người đó không tiếp tục xin nhập quốc tịch Việt Nam và Bộ tư pháp trả hồ sơ - Nếu không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện nhập quốc tịch			
B12	Xem xét hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam	Chủ tịch nước	30 ngày	Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện nhập quốc tịch
B13	- Nếu đủ điều kiện: Nhận Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, chuyển Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; - Nếu không đủ điều kiện: Nhận văn bản thông báo không đủ điều kiện nhập quốc tịch từ Bộ Tư pháp và xây dựng văn bản gửi người yêu cầu, chuyển Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Văn thư; Phòng HC&BTTP	02 giờ	Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện nhập quốc tịch
B14	Trả kết quả cho cá nhân	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06 kèm Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện nhập quốc tịch
	* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả			

	kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân. * Trong quá trình giải quyết hồ sơ, người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/tra hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.	
3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.QT.02.01	<i>Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam</i>  BM.QT.02.01

	BM.QT.02.02	<i>Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện</i>  BM.QT.02.02.doc
	BM.QT.02.03	<i>Tờ khai lý lịch</i>  BM.QT.02.03
	BM.QT.02.04	<i>Văn bản thỏa thuận thay đổi quốc tịch cho con chưa thành niên</i>  BM.QT.02.04
	BM.QT.02.05	<i>Bản cam kết</i>  BM.QT.02.05
	BM.QT.02.06	<i>Bản cam đoan</i>  BM.QT.02.06
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh việc nhập quốc tịch;	
-	Văn bản trả lời xác minh của Công an tỉnh;	
-	Văn bản trình UBND tỉnh về việc đề nghị cho nhập quốc tịch Việt Nam;	

-	Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc Văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện nhập quốc tịch.
Hồ sơ được lưu tại Phòng HC&BTTP, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành.	

3. Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.QT.03
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC:	
	- Người đã mất quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 26 Luật Quốc tịch Việt Nam có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì được xem xét giải quyết trở lại quốc tịch Việt Nam. - Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam. - Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam. - Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên gọi này phải được ghi rõ trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam. - Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép: + Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó; + Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.	
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:	

	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). Không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ.		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam <i>theo mẫu BM.QT.03.01 hoặc mẫu BM.QT.03.02</i> ;	X	
-	Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;		X
-	Bản khai lý lịch;	X	
-	Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	X	
-	Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau:		
	a) Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam; b) Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó. Trường hợp thông tin về tình trạng quốc tịch Việt Nam trước đây của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có thể khai thác được tại Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cơ quan tiếp nhận không yêu cầu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nộp các giấy tờ nêu trên.		X
-	Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận		X

	rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam		
-	Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam và con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự		x
-	Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh:		
+	Đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam		x
+	Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó		x
+	Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ	x	

	chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam		
+	Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 23 Luật Quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài		
	* Lưu ý khi nộp hồ sơ: - Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; <i>bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID)</i>. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật		
	- <i>Trường hợp người yêu cầu nộp hồ sơ trực tuyến thì thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP như sau:</i> + <i>Người yêu cầu đăng nhập tài khoản vào Cổng Dịch vụ công quốc gia kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và nộp hồ sơ theo quy định, cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác, đính kèm bản điện tử. Trường hợp thông tin, dữ liệu điện tử của người yêu cầu đã được kết nối, chia sẻ giữa các cơ sở dữ liệu thì người yêu cầu không phải khai lại thông tin hoặc đính kèm hồ sơ, giấy tờ.</i> + <i>Trường hợp không có bản điện tử thì đính kèm bản chụp hoặc bản sao các giấy tờ theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia, các nền tảng thanh toán khác hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.</i> + <i>Sau khi hoàn tất việc nộp hồ sơ, người yêu cầu được cấp 01 mã số hồ sơ thủ tục hành chính để theo dõi, tra cứu tiến độ giải quyết hoặc truy cập để hoàn thiện hồ sơ khi có yêu cầu của cơ quan thụ lý.</i> + <i>Hồ sơ điện tử xin trở lại quốc tịch Việt Nam được tiếp nhận tại Cổng</i>		

	<i>Dịch vụ công quốc gia và thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh chuyển đến Phần mềm quản lý, giải quyết hồ sơ quốc tịch để cơ quan có thẩm quyền giải quyết.</i> <i>Trường hợp Bộ Tư pháp quyết định từ chối giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 1, 2, 4 và khoản 7 Điều 14 Nghị định này thì gửi cho cơ quan tiếp nhận thông qua Phần mềm quản lý, giải quyết hồ sơ quốc tịch để thông báo cho người có yêu cầu.</i> <i>+ Người có yêu cầu có thể lựa chọn nhận kết quả theo các phương thức sau: nhận bản điện tử gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó; nhận bản điện tử gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; nhận kết quả là bản giấy thông qua dịch vụ bưu chính và nộp chi phí trả kết quả; Nhận kết quả là bản giấy tại cơ quan thụ lý hồ sơ</i>			
2.4	Số lượng hồ sơ: 03 bộ (trường hợp thực hiện trên môi trường điện tử thì lập 01 bộ hồ sơ và lưu tại cơ quan thụ lý hồ sơ.)			
2.5	Thời hạn giải quyết: 85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn).			
2.7	Cơ quan thực hiện: Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước. Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: - Nếu đủ điều kiện: Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam. - Nếu không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

B1	1. Tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ hệ thống bưu chính công ích hoặc trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh http://motcua.hatinh.gov.vn. 2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ quốc tịch. hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu phí theo quy định (nếu có). - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định thì phải hướng dẫn ngay người xin trở lại quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 02 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và hỗ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý.	Công chức TN&TKQ	02 giờ	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý.	Lãnh đạo Phòng HC&BTTP	02 giờ	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	Chuyên viên được phân công có trách nhiệm kiểm tra và thụ lý hồ sơ; Xây dựng văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh nhân thân của người xin trở lại quốc tịch, trình Lãnh đạo Phòng xem xét, ký duyệt.	Công chức Phòng HC&BTTP	01 ngày	Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh
B5	Kiểm tra hồ sơ, ký nháy duyệt dự thảo văn bản tại B4, trực tiếp hoặc giao chuyên viên trình lãnh đạo Sở.	Lãnh đạo Phòng HC&BTTP	01 ngày	Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh đã ký nháy
B6	Ký duyệt dự thảo văn bản tại B5,	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Mẫu 05 và

	chuyển phòng HC&BTTP để phát hành.	Tư pháp		Văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh
B7	Phát hành văn bản.	Văn thư	02 giờ	Mẫu 05 và Văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh
B8	Trả lời xác minh theo đề nghị của Sở Tư pháp.	Công an tỉnh	20 ngày	Văn bản trả lời xác minh
	Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam; lập danh mục đầy đủ các giấy tờ trong từng hồ sơ, kèm danh sách những người xin trở lại quốc tịch Việt Nam theo mẫu quy định.	Sở Tư pháp		Danh mục đầy đủ các giấy tờ trong từng hồ sơ, kèm danh sách những người xin trở lại quốc tịch Việt Nam.
B9	Nhận kết quả từ Công an tỉnh, hoàn thiện hồ sơ: + Nếu đủ điều kiện: Dự thảo văn bản trình UBND tỉnh; gửi bản điện tử và nộp hồ sơ trình UBND tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; + Nếu không đủ điều kiện: Dự thảo văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam và chuyển đến B14.	Công chức được giao xử lý hồ sơ	Trong thời hạn 05 ngày làm việc	Mẫu 05, 06 và Văn bản trình UBND tỉnh kèm hồ sơ hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam.
B10	Xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.	Chủ tịch UBND tỉnh	Trong thời hạn 05 ngày làm việc	Văn bản gửi Bộ Tư pháp kèm hồ sơ

B11	Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, xem xét, kết luận: - Nếu đủ điều kiện: <i>Thừa ủy quyền Thủ tướng ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</i> - Nếu không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch.	Bộ Tư pháp	15- 30 ngày	Tờ trình trình Chủ tịch nước kèm hồ sơ hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch.
B12	Xem xét hồ sơ đề nghị cho trở lại quốc tịch Việt Nam.	Chủ tịch nước	20 ngày	Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện trở lại quốc tịch.
B13	- Nếu đủ điều kiện: Nhận Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam Việt Nam, chuyển Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. - Nếu không đủ điều kiện: Nhận văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch từ Bộ Tư pháp và xây dựng văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch, chuyển Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.	Văn thư; Phòng HC&BTTP	07 ngày	Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện trở lại quốc tịch.
B14	Trả kết quả cho cá nhân.	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06 kèm Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện trở lại quốc tịch.

	* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân. * Trong quá trình giải quyết hồ sơ, người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.	
3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.QT.03.01	<i>Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam</i>  BM.QT.03.01
	BM.QT.03.02	<i>Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại</i>

		<i>diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện</i>  BM.QT.03.02
	BM.QT.03.03	 BM.QT.03.03 <i>Tờ khai lý lịch</i>
	BM.QT.03.04	<i>Văn bản thỏa thuận thay đổi quốc tịch cho con chưa thành niên</i>  BM.QT.03.04
	BM.QT.03.05	<i>Bản cam kết</i>  BM.QT.03.05
	BM.QT.03.06	<i>Bản cam đoan</i>  BM.QT.03.06
	BM.QT.03.07	<i>Mẫu tương tác xin trở lại quốc tịch Việt Nam</i>  BM.QT.03.07
	BM.QT.03.08	<i>Mẫu tương tác xin trở lại quốc tịch Việt Nam dành cho người đại diện</i>  BM.QT.03.08
	BM.QT.03.09	<i>Mẫu tương tác Bản khai lý lịch</i>  BM.QT.03.09
4	HỒ SƠ LƯU	

-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có) và 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;
-	Văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh việc trở lại quốc tịch;
-	Văn bản trả lời của Công an tỉnh xác minh việc trở lại quốc tịch;
-	Văn bản trình UBND tỉnh về việc đề nghị cho trở lại quốc tịch Việt Nam;
-	Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam.
Hồ sơ được lưu tại HC&BTTP, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành.	

4. Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.QT.04
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC:	
	- Người xin thôi quốc tịch Việt Nam chưa được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây: + Đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam; + Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; + Đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam; + Đang bị tạm giam để chờ thi hành án; + Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng. - Người xin thôi quốc tịch Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam. - Cán bộ, công chức và những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam. - <i>Trường hợp được miễn xác minh về nhân thân thì thời hạn của giấy tờ bảo đảm cho nhập quốc tịch nước ngoài phải còn ít nhất là 120 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ; trường hợp phải xác minh về nhân thân thì thời hạn phải còn ít nhất là 150 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ.</i>	

2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). Không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ.		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam <i>theo mẫu BM.QT.04.01 hoặc mẫu BM.QT.04.01</i>	X	
-	Bản khai lý lịch;	X	
-	Giấy tờ chứng minh người xin thôi quốc tịch Việt Nam có quốc tịch Việt Nam là bản sao Hộ chiếu Việt Nam, thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam và Điều 7 Nghị định số 91/2025/NĐ-CP trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quốc tịch Việt Nam của người xin thôi quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;		X
-	Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài);	X	
-	Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp;	X	
-	Đối với người trước đây là cán bộ, công chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân đã về hưu, thôi việc, nghỉ công tác hoặc giải ngũ chưa quá 05 năm thì còn phải		X

	nộp giấy của cơ quan đã quyết định hưu trí, thôi việc, nghỉ công tác hoặc giải ngũ xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam (Giấy xác nhận này do thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ vào quy chế của ngành để xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không ảnh hưởng đến việc bảo vệ bí mật quốc gia hoặc không trái với quy định của ngành đó); Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú ở trong nước thì không phải nộp các giấy tờ quy định tại gạch ngang (-)7, 8 thủ tục này;		
-	Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng thôi quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ thôi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thôi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.		X
	* Lưu ý khi nộp hồ sơ: - Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người xin thôi quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để		

	đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật - <i>Trường hợp người yêu cầu nộp hồ sơ trực tuyến thì thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP như sau:</i> + <i>Người yêu cầu đăng nhập tài khoản vào Cổng Dịch vụ công quốc gia kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và nộp hồ sơ theo quy định, cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác, đính kèm bản điện tử. Trường hợp thông tin, dữ liệu điện tử của người yêu cầu đã được kết nối, chia sẻ giữa các cơ sở dữ liệu thì người yêu cầu không phải khai lại thông tin hoặc đính kèm hồ sơ, giấy tờ.</i> <i>Trường hợp không có bản điện tử thì đính kèm bản chụp hoặc bản sao các giấy tờ theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia, các nền tảng thanh toán khác hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.</i> + <i>Sau khi hoàn tất việc nộp hồ sơ, người yêu cầu được cấp 01 mã số hồ sơ thủ tục hành chính để theo dõi, tra cứu tiến độ giải quyết hoặc truy cập để hoàn thiện hồ sơ khi có yêu cầu của cơ quan thụ lý.</i> + <i>Hồ sơ điện tử xin thôi quốc tịch Việt Nam được tiếp nhận tại Cổng Dịch vụ công quốc gia và thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh chuyển đến Phần mềm quản lý, giải quyết hồ sơ quốc tịch để cơ quan có thẩm quyền giải quyết.</i> <i>Trường hợp Bộ Tư pháp quyết định từ chối giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 14 Nghị định này thì gửi cho cơ quan tiếp nhận thông qua Phần mềm quản lý, giải quyết hồ sơ quốc tịch để thông báo cho người có yêu cầu.</i> + <i>Người có yêu cầu có thể lựa chọn nhận kết quả theo các phương thức sau: nhận bản điện tử gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó; nhận bản điện tử gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; nhận kết quả là bản giấy thông qua dịch vụ bưu chính và nộp chi phí trả kết quả; Nhận kết quả là bản giấy tại cơ quan thụ lý hồ sơ.</i>
2.4	Số lượng hồ sơ: 03 bộ (trường hợp thực hiện trên môi trường điện tử thì lập 01 bộ hồ sơ và lưu tại cơ quan thụ lý hồ sơ).
2.5	Thời hạn giải quyết: 75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền).

2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn).			
2.7	Cơ quan thực hiện: Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: - Hồ sơ đủ điều kiện: Quyết định cho phép thôi quốc tịch Việt Nam. - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ hệ thống bưu chính công ích hoặc trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh http://motcua.hatinh.gov.vn . 2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ quốc tịch, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu phí theo quy định (nếu có). - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 02 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3

B2	Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và hỗ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý	Công chức TN&TKQ	02 giờ	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo Phòng HC&BTTP	02 giờ	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	Chuyên viên được phân công có trách nhiệm kiểm tra và thụ lý hồ sơ: - Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú ở trong nước thì xây dựng thông báo và gửi đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. - Xây dựng văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh nhân thân của người xin thôi quốc tịch, trình lãnh đạo phòng xem xét, ký duyệt.	Công chức Phòng HC&BTTP	05 ngày làm việc	Mẫu 05 và dự thảo thông báo đăng tải về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên Báo Hà Tĩnh; Dự thảo văn bản gửi Công an tỉnh; Dự thảo văn bản gửi đăng thông báo (nếu có)
B5	Kiểm tra hồ sơ, ký nháy duyệt dự thảo văn bản tại B4, trực tiếp hoặc giao chuyên viên trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng HC&BTTP	02 giờ	Mẫu 05 và dự thảo thông báo đăng tải về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên Báo Hà Tĩnh đã ký nháy
B6	Ký duyệt dự thảo văn bản tại B5, chuyển phòng chuyên môn để phát hành	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 giờ	Mẫu 05 và dự thảo Văn bản gửi Công an tỉnh; dự thảo văn bản thông báo đăng tải về việc xin thôi quốc tịch

				Việt Nam trên Báo Hà Tĩnh đã được ký nháy.
B7	Phát hành văn bản	Văn thư	01 giờ	Mẫu 05 và Văn bản gửi Công an tỉnh; Văn bản thông báo đăng tải về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên Báo Hà Tĩnh
B8	Công an tỉnh trả lời xác minh theo đề nghị của Sở Tư pháp.	Công an tỉnh	20 ngày	Mẫu 05 và Văn bản trả lời xác minh
	Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam, lập danh mục đầy đủ các giấy tờ trong từng hồ sơ, kèm danh sách những người xin thôi quốc tịch theo mẫu quy định.	Sở Tư pháp		Danh mục đầy đủ các giấy tờ trong từng hồ sơ, kèm danh sách những người xin thôi quốc tịch theo mẫu quy định
B9	Nhận kết quả từ Công an tỉnh, hoàn thiện hồ sơ: + Nếu đủ điều kiện: Dự thảo văn bản trình UBND tỉnh; gửi bản điện tử và nộp hồ sơ trình UBND tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; + Nếu không đủ điều kiện: Dự thảo văn bản thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam, và chuyển đến B14.	Công chức được giao xử lý hồ sơ	05 ngày làm việc	Mẫu 05 và Văn bản trình UBND tỉnh kèm hồ sơ hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam
B10	UBND tỉnh xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	UBND tỉnh	05 ngày làm việc	Văn bản gửi Bộ Tư pháp kèm hồ sơ
B11	Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, xem	Bộ Tư pháp	20	Tờ trình trình

	xét, kết luận: - Đủ điều kiện: Bộ trưởng Bộ Tư pháp <i>thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</i> - Không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam.		ngày	Chủ tịch nước kèm hồ sơ hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam
B12	Xem xét hồ sơ xin cho thôi quốc tịch Việt Nam	Chủ tịch nước	20 ngày	Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch
B13	- Nếu đủ điều kiện: Nhận Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam, chuyển Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. - Nếu không đủ điều kiện: Nhận văn bản thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch từ Bộ Tư pháp và xây dựng văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch, chuyển Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.	Văn thư; Phòng HC&BTTP	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch
B14	Trả kết quả cho tổ chức cá nhân	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06 kèm Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch
* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước				

	ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân. * Trong quá trình giải quyết hồ sơ, người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh : https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.	
3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	<i>BM.QT.04.01</i>	<i>Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam</i>  BM.QT.04.01
	<i>BM.QT.04.02</i>	<i>Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho</i>

		<i>người được đại diện</i>	 BM.QT.04.02
	<i>BM.QT.04.03</i>	<i>Tờ khai lý lịch</i>	 BM.QT.04.03
	<i>BM.QT.04.04</i>	<i>Văn bản thỏa thuận thay đổi quốc tịch cho con chưa thành niên</i>	 BM.QT.04.04
	<i>BM.QT.04.05</i>	<i>Mẫu quốc tịch điện tử tương tác xin thôi quốc tịch Việt Nam</i>	 BM.QT.04.05
	<i>BM.QT.04.06</i>	<i>Mẫu quốc tịch điện tử tương tác xin thôi quốc tịch Việt Nam dành cho người đại diện theo pháp luật</i>	 BM.QT.04.06
4	HỒ SƠ LƯU		
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có) và 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;		
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;		
-	Thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam (nếu có);		
-	Văn bản gửi Công an tỉnh xác minh việc trở lại quốc tịch;		
-	Văn bản trả lời xác minh của Công an tỉnh;		
-	Văn bản trình UBND tỉnh về việc thôi quốc tịch Việt Nam;		
-	Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch.		

Hồ sơ được lưu tại phòng HC&BTTP, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành.

5. Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.QT.05.01	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC:		
	Không.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). Không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ.		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam:		
+	Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng;	x	
+	Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Căn cước công dân, Thẻ Căn cước, Căn cước điện tử, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp;		x
+	Giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam (<i>Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt</i>		x

	<i>Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; thẻ Căn cước công dân; thẻ căn cước; căn cước điện tử; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi) và Điều 7 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP (Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam được cấp theo quy định tại Điều 30 Nghị định này; Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài được cấp theo quy định của pháp luật) hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả Giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nhưng trên đó ghi họ tên Việt Nam của người yêu cầu và cha, mẹ của người đó, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quốc tịch Việt Nam của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;</i>		
-	Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam người yêu cầu nộp các giấy tờ sau:		
+	Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng;	x	
+	Bản khai lý lịch kèm theo một trong các giấy tờ sau để có cơ sở xác minh quốc tịch Việt Nam: Giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam qua các thời kỳ, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam; Giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở miền Bắc Việt Nam cấp, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam.		x
	* Lưu ý khi nộp hồ sơ: Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được		

	cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VN eID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật. - Trường hợp người yêu cầu nộp hồ sơ trực tuyến thì thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP như sau: + Người yêu cầu đăng nhập tài khoản vào Cổng Dịch vụ công quốc gia kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và nộp hồ sơ theo quy định, cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác, đính kèm bản điện tử. Trường hợp thông tin, dữ liệu điện tử của người yêu cầu đã được kết nối, chia sẻ giữa các cơ sở dữ liệu thì người yêu cầu không phải khai lại thông tin hoặc đính kèm hồ sơ, giấy tờ. Trường hợp không có bản điện tử thì đính kèm bản chụp hoặc bản sao các giấy tờ theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia, các nền tảng thanh toán khác hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật. + Sau khi hoàn tất việc nộp hồ sơ, người yêu cầu được cấp 01 mã số hồ sơ thủ tục hành chính để theo dõi, tra cứu tiến độ giải quyết hoặc truy cập để hoàn thiện hồ sơ khi có yêu cầu của cơ quan thụ lý. + Hồ sơ điện tử xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam được tiếp nhận tại Cổng Dịch vụ công quốc gia và thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh chuyển đến Phần mềm quản lý, giải quyết hồ sơ quốc tịch để cơ quan có thẩm quyền giải quyết. + Người có yêu cầu có thể lựa chọn nhận kết quả theo các phương thức sau: nhận bản điện tử gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó; nhận bản điện tử gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; nhận kết quả là bản giấy thông qua dịch vụ bưu chính và nộp chi phí trả kết quả; nhận kết quả là bản giấy tại cơ quan thụ lý hồ sơ.
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
2.5	Thời hạn giải quyết: thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền - 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 68 ngày làm việc (hồ

	sơ xác minh phức tạp).			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn).			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp. Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: - Hồ sơ đủ điều kiện: Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam. - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ hệ thống bưu chính công ích hoặc trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh	Công chức TN&TK Q	Giờ hành chính	Mẫu 01, 02 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3

	http://motcua.hatinh.gov.vn . 2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam và thu phí theo quy định (nếu có). - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.			
B2	Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và hỗ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý	Công chức TN&TK Q	02 giờ	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng HC&BT TP	02 giờ	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	Kiểm tra và thụ lý hồ sơ:	Công chức Phòng HC&BT TP, Lãnh đạo Phòng HC&BT TP; Lãnh đạo Sở, Văn thư	05 ngày làm việc	Mẫu 05 và Văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam/Văn bản đề nghị xác minh (nếu có)
	- Nếu thuộc trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam: + Dự thảo văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu thông tin về thôi quốc tịch, tước quốc tịch, hủy bỏ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam trình lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt Văn thư đóng dấu phát hành			

văn bản. + Nếu có nghi ngờ về tính xác thực của giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam thì báo cáo Lãnh đạo Sở và dự thảo văn bản yêu cầu cơ quan đã cấp giấy tờ đó xác minh trình lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt, Văn thư đóng dấu phát hành văn bản			
+ Bộ Tư pháp tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. + Cơ quan đã cấp giấy tờ đó tiến hành xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp.	Bộ Tư pháp/Cơ quan đã cấp giấy tờ	10 ngày làm việc	Kết quả tra cứu, xác minh
- Đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP: + Chuyên viên dự thảo văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam hoặc có Văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu thông tin về thôi quốc tịch, tước quốc tịch, hủy bỏ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt và đề nghị cơ quan Công an cùng cấp xác minh về nhân thân của người có yêu cầu trình Lãnh đạo phòng xem xét ký nháy, ký duyệt; Văn thư đóng dấu, phát hành văn bản	Công chức, Lãnh đạo Phòng HC&BTT P; Lãnh đạo Sở; Văn thư	05 ngày làm việc	Mẫu 05 và Văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu thông tin về thôi quốc tịch, tước quốc tịch, hủy bỏ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam; Văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh về nhân thân của người có yêu cầu

	+ Bộ Tư pháp tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp.	Bộ Tư pháp	10 ngày làm việc	Kết quả tra cứu
	+ Cơ quan Công an tiến hành xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp.	Công an tỉnh	45 ngày/không quá 60 ngày	Văn bản trả lời xác minh
B5	+ Kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, xác minh, nếu có đủ căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam và người đó không có tên trong danh sách được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, chuyên viên được phân công tham mưu ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; dự thảo Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam trình Lãnh đạo phòng và Lãnh đạo Sở ký. Nếu không có cơ sở để cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, dự thảo văn bản trả lời cho người yêu cầu biết, trình Lãnh đạo phòng và Lãnh đạo Sở ký.	Công chức Phòng HC&BTT P	01 ngày làm việc	Mẫu 05 và Dự thảo Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam
B6	Kiểm tra hồ sơ, ký nháy duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B5, trực tiếp hoặc giao chuyên viên trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng HC&BTT P	01 ngày làm việc	Mẫu 05 và Dự thảo Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam

B7	Ký duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B6, chuyển Phòng HC&BTTP để phát hành	Lãnh đạo Sở Tư pháp	02 giờ	Mẫu 05 và Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam
B8	Phát hành văn bản và trả kết quả cho Bộ phận TN&TKQ	Văn thư	02 giờ	Mẫu 05, 06 và Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam
B8	Trả kết quả cho cá nhân	Công chức TN&TK Q	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06 kèm Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam
	* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân. * Trong quá trình giải quyết hồ sơ, người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.			
3	BIỂU MẪU			

	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.QT.05.01	<i>Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam</i>  BM.QT.05.01
	BM.QT.05.02	<i>Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện</i>

		 BM.QT.05.02
	BM.QT.05.03	<i>Bản khai lý lịch</i>  BM.QT.05.03
	BM.QT.05.04	<i>Mẫu quốc tịch điện tử tương tác đề nghị cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam</i>  BM.QT.05.04
	BM.QT.05.05	<i>Mẫu quốc tịch điện tử tương tác đề nghị cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam dành cho người đại diện</i>  BM.QT.05.05
	BM.QT.05.06	<i>Mẫu quốc tịch điện tử tương tác Bản khai lý lịch</i>  BM.QT.05.06
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có) và 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Văn bản đề nghị xác minh (nếu có);	
-	Văn bản trả lời của cơ quan xác minh;	
-	Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.	

Hồ sơ được lưu tại Phòng HC&BTTP, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành.

II. TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (04 TTHC)

1. Bổ nhiệm công chứng viên

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.CC.01
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC:	
	1. Người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Luật Công chứng: Là công dân Việt Nam không quá 70 tuổi; Thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng; Có bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật; Có thời gian công tác pháp luật từ đủ 03 năm trở lên tại cơ quan, tổ chức sau khi có bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật; Tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng; Đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng. 2. Người thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Luật Công chứng thì không được bổ nhiệm công chứng viên: - Người không đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm công chứng viên; - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án về tội phạm do vô ý mà chưa được xóa án tích; người đã bị kết án về tội phạm do cố ý, kể cả trường hợp đã được xóa án tích. - Người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. - Người bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. - Người đang là cán bộ, công chức, viên chức, trừ viên chức của Phòng công chứng; đang là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; đang là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân. - Người đang là thừa phát lại, luật sư, đấu giá viên, quản tài viên, tư vấn viên pháp luật, thẩm định viên về giá hoặc đang thực hiện công việc theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 9 Luật Công chứng - Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm; công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu quân nhân hoặc buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc buộc thôi việc.	

	- Thừa phát lại, luật sư, đấu giá viên, quản tài viên, tư vấn viên pháp luật, thẩm định viên về giá bị miễn nhiệm hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề do vi phạm pháp luật mà chưa hết thời hạn 03 năm kể từ ngày quyết định miễn nhiệm hoặc quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề có hiệu lực thi hành.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Thủ tục hành chính đã đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình. - Thực hiện trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Văn bản đề nghị bổ nhiệm công chứng viên theo <i>mẫu BM.CC.01.01</i>	x	
-	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Giấy tờ chứng minh thời gian công tác pháp luật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; trường hợp người đề nghị bổ nhiệm thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 14 Luật Công chứng thì phải có bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử giấy tờ chứng minh đã miễn nhiệm, đã thu hồi chứng chỉ hành nghề hoặc không còn thuộc các trường hợp này	x	x
-	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng	x	x
-	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.	x	x
	* Lưu ý: Khi nộp hồ sơ yêu cầu bản sao: + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản gốc để đối chiếu. + Nếu nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính. + Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		
2.5	Thời hạn giải quyết:		

	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ, thời hạn xác minh hồ sơ không quá 15 ngày làm việc và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên. Người yêu cầu nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn).			
2.7	- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan được ủy quyền: Không. - Cơ quan phối hợp: Không.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Tại Sở Tư pháp: - Hồ sơ đủ điều kiện: Văn bản đề nghị bổ nhiệm công chứng viên. - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên. Tại UBND tỉnh: - Hồ sơ đủ điều kiện: Quyết định bổ nhiệm công chứng viên; - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc	Cán bộ TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 02, 03 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3

	trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn). 2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho cá nhân và thu phí theo quy định (nếu có). - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.			
B2	Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý.	Cán bộ TN&TKQ	02 giờ	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng HC&BTTP	02 giờ	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	Xem xét thẩm định, xử lý hồ sơ: Xác minh tính hợp pháp của hồ sơ trong trường hợp cần thiết.	Công chức được giao xử lý hồ sơ	Không quá 15 ngày làm việc	Kết quả xác minh
	Trường hợp đáp ứng yêu cầu, điều kiện: Dự thảo Văn bản đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, dự thảo Quyết định bổ nhiệm công chứng viên Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, điều kiện: Dự thảo Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên; Trình lãnh đạo Phòng.	Công chức được giao xử lý hồ sơ	04 ngày làm việc	Mẫu 05 và Dự thảo Văn bản đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, dự thảo Quyết định bổ nhiệm công chứng viên hoặc dự thảo Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên
B5	Kiểm tra hồ sơ, ký nháy duyệt dự thảo kết quả giải	Lãnh đạo phòng	03 ngày	Mẫu 05, Kết quả xác minh (nếu có)

	quyết thủ tục hành chính tại B4, trực tiếp hoặc giao chuyên viên trình Lãnh đạo Sở	HC&BTTP	làm việc	và Dự thảo Văn bản đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, dự thảo Quyết định bổ nhiệm công chứng viên hoặc dự thảo Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên đã ký nháy
B6	Phê duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B5, chuyển Phòng HC&BTTP để phát hành	Lãnh đạo Sở Tư pháp	02 ngày làm việc	Mẫu 05, Kết quả xác minh (nếu có) và Văn bản đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, dự thảo Quyết định bổ nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên
B7	Phát hành văn bản: Trường hợp đáp ứng yêu cầu, điều kiện: Gửi Chủ tịch UBND tỉnh văn bản đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, dự thảo Quyết định bổ nhiệm công chứng viên và Hồ sơ kèm theo; Trường hợp không đủ yêu cầu, điều kiện: Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên, chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, chuyển đến B10.	Văn thư	04 giờ	- Mẫu 05, Kết quả xác minh (nếu có) và Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm công chứng viên, dự thảo Quyết định bổ nhiệm công chứng viên và Hồ sơ kèm theo; - Hoặc mẫu 05, 06, Kết quả xác minh (nếu có), Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên.

B8	Xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên và chuyển kết quả cho Sở Tư pháp	Chủ tịch UBND tỉnh	9 ngày làm việc	Quyết định bổ nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên
B9	Sau khi nhận kết quả từ UBND tỉnh, chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Mẫu 05, 06; Quyết định bổ nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên
B10	Trả kết quả cho cá nhân	Cán bộ TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; kèm Quyết định bổ nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên
	* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân. * Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ: motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ		

		 Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.CC.01.01	<i>Đơn đề nghị bổ nhiệm công chứng viên</i>  BM.CC.01.01.doc
4	HỒ SƠ LƯU:	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có), 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên;	
-	Quyết định bổ nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo của UBND tỉnh về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên.	
Hồ sơ được lưu tại Phòng HC&BTTP, thời gian lưu 02 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống đơn vị lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

2. Bổ nhiệm lại công chứng viên

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.CC.02	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC:		
	- Người được miễn nhiệm công chứng viên do chuyển làm công việc khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Luật Công chứng; trường hợp được miễn nhiệm công chứng viên theo nguyện vọng cá nhân thì được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Luật Công chứng. - Người đã bị miễn nhiệm công chứng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công chứng được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Luật này, đã hết thời hạn 02 năm kể từ ngày quyết định miễn nhiệm công chứng viên có hiệu lực thi hành và lý do miễn nhiệm không còn, trừ các trường hợp không được bổ nhiệm lại . - Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được bổ nhiệm lại công chứng viên: + Bị miễn nhiệm công chứng viên do bị kết án về tội phạm do vô ý mà chưa được xóa án tích; do bị kết án về tội phạm do cố ý, kể cả trường hợp đã được xóa án tích; + Bị miễn nhiệm công chứng viên do hành nghề công chứng khi chưa đủ điều kiện hành nghề công chứng hoặc trong thời gian bị tạm đình chỉ hành nghề công chứng; + Thuộc trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên theo quy định tại Điều 14 Luật Công chứng tại thời điểm đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Thủ tục hành chính đã đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình. - Thực hiện trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Văn bản đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên theo <i>mẫu BM.CC.02.01</i>	x	

-	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện bổ nhiệm lại quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Luật Công chứng.	x	x
	* Lưu ý: - Khi nộp hồ sơ yêu cầu bản sao: + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản gốc để đối chiếu. + Nếu nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính. + Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		
2.5	Thời hạn giải quyết: - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ, thời hạn xác minh hồ sơ không quá 15 ngày làm việc và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm lại công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên. Người yêu cầu nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn).		
2.7	- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan được ủy quyền: Không. - Cơ quan phối hợp: Không.		
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân		
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Tại Sở Tư pháp:		

	- Hồ sơ đủ điều kiện: Văn bản đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên; - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm lại công chứng viên. Tại UBND tỉnh: - Hồ sơ đủ điều kiện: Quyết định bổ nhiệm công chứng viên; - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm lại công chứng viên.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn). 2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho cá nhân và thu phí theo quy định (nếu có). - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 02, 03 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý.	Cán bộ TN&TKQ	02 giờ	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng HC&BTTP	02 giờ	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	Xem xét thẩm định, xử lý hồ sơ:			
	Xác minh tính hợp pháp của hồ sơ trong trường hợp cần thiết	Công chức được giao xử lý hồ sơ	Không quá 15 ngày làm	Kết quả xác minh

			việc	
	- Trường hợp đáp ứng yêu cầu, điều kiện: Dự thảo Văn bản đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên, dự thảo Quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên; - Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, điều kiện: Dự thảo Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm lại công chứng viên; Trình lãnh đạo phòng.	Công chức được giao xử lý hồ sơ	04 ngày	Mẫu 05, dự thảo Văn bản đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên, dự thảo Quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên
B5	Kiểm tra hồ sơ, ký nháy duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B4, trực tiếp hoặc giao chuyên viên trình lãnh đạo Sở.	Lãnh đạo phòng HC&BTTP	03 ngày	Mẫu 05, Kết quả xác minh (nếu có) và Dự thảo Văn bản đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên, dự thảo Quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên hoặc dự thảo Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên đã ký nháy
B6	Phê duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B5, chuyển Phòng HC&BTTP để phát hành.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	02 ngày	Mẫu 05, Kết quả xác minh (nếu có) và Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên, dự thảo Quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc không đáp ứng

				yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên
B7	Phát hành văn bản: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu, điều kiện: gửi Chủ tịch UBND tỉnh văn bản đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên, dự thảo Quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên và Hồ sơ kèm theo; - Trường hợp không đủ yêu cầu, điều kiện: Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm lại công chứng viên, chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; chuyển đến B10.	Văn thư	04 giờ	Mẫu 05, Kết quả xác minh (nếu có) và Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm lại công chứng viên, dự thảo Quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên và hồ sơ kèm theo - Hoặc mẫu 05, 06 và Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm lại công chứng viên
B8	Xem xét, quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên và chuyển kết quả cho Sở Tư pháp	Chủ tịch UBND tỉnh	9 ngày làm việc	Quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm lại công chứng viên.
B9	Sau khi nhận kết quả từ Chủ tịch UBND tỉnh, chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Văn thư Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Mẫu 05, 06; Quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên.
B10	Trả kết quả cho cá nhân	Cán bộ TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Quyết định bổ nhiệm lại công

				chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm lại công chứng viên
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ: motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx		
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx		
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx		
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx		
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ		

		 Mẫu 06.docx
	BM.CC.02.01	<i>Đơn đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên</i>  BM.CC.02.01.doc
4	HỒ SƠ LƯU:	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có), 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm lại công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm công chứng viên;	
-	Quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên hoặc Văn bản thông báo của UBND tỉnh về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện bổ nhiệm lại công chứng viên.	
Hồ sơ được lưu tại Phòng HC&BTTP, thời gian lưu 02 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống đơn vị lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

3. Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.CC.03
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC:	
	Công chứng viên được miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân hoặc khi được chuyển làm công việc khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:	
	- Thủ tục hành chính đã đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình. - Thực hiện trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	

2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị miễn nhiệm công chứng viên, <i>theo mẫu BM.CC.03.01</i>	x	
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		
2.5	Thời hạn giải quyết: - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị miễn nhiệm của công chứng viên, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo đơn đề nghị miễn nhiệm của công chứng viên gửi Chủ tịch UBND tỉnh; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm công chứng viên. Trường hợp thông tin trong hồ sơ đề nghị miễn nhiệm chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác minh thì việc xác minh thực hiện không quá 20 ngày làm việc, thời hạn Chủ tịch UBND xem xét, quyết định miễn nhiệm tính từ ngày chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được kết quả bổ sung, làm rõ hoặc xác minh thông tin.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn).		
2.7	- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan được ủy quyền: Không. - Cơ quan phối hợp: Không.		
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.		
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Tại Sở Tư pháp: - Hồ sơ đủ điều kiện: Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh miễn nhiệm công chứng viên; - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên. Tại UBND tỉnh: - Hồ sơ đủ điều kiện: Quyết định miễn nhiệm công chứng viên; - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên.		
2.10	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn). 2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho cá nhân và thu phí theo quy định (nếu có). - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 02, 03 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý	Cán bộ TN&TKQ	02 giờ	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng HC&BTTP	02 giờ	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	Xem xét thẩm định, xử lý hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu, điều kiện: Dự thảo văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh miễn nhiệm công chứng viên, dự thảo Quyết định miễn nhiệm công chứng viên; - Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu, điều kiện: Dự thảo Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên	Công chức được giao xử lý hồ sơ	02 ngày làm việc	Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh miễn nhiệm công chứng viên, dự thảo Quyết định miễn nhiệm công chứng viên hoặc dự thảo Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên

	yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên; Trình lãnh đạo phòng.			
B5	Xem xét, ký nháy duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B4, trực tiếp hoặc giao chuyên viên được giao xử lý hồ sơ trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng HC&BTTP	01 ngày làm việc	Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh miễn nhiệm công chứng viên, dự thảo Quyết định miễn nhiệm công chứng viên hoặc dự thảo Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên đã ký nháy
B6	Phê duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B5, chuyển Phòng HC&BTTP để phát hành	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Mẫu 05 và Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh miễn nhiệm công chứng viên, dự thảo Quyết định miễn nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên
B7	Phát hành văn bản: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu, điều kiện: Gửi Chủ tịch UBND tỉnh văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên, dự thảo Quyết định miễn nhiệm công chứng viên và Hồ sơ kèm theo; - Trường hợp không đủ yêu cầu, điều kiện: Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên, chuyển Bộ	Văn thư	04 giờ	Mẫu 05 và Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh miễn nhiệm công chứng viên, dự thảo Quyết định miễn nhiệm công chứng viên và hồ sơ kèm theo. - Hoặc mẫu 05, 06; Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên.

	phận tiếp nhận và trả kết quả; chuyển đến B10.			
B8	Yêu cầu Sở Tư pháp bổ sung, làm rõ hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xác minh thông tin trong hồ sơ trong trường hợp thông tin trong hồ sơ đề nghị miễn nhiệm chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác minh	Chủ tịch UBND tỉnh	Không quá 20 ngày làm việc	Văn bản yêu cầu xác minh hoặc kết quả xác minh
	Xem xét, quyết định việc miễn nhiệm công chứng viên và chuyển kết quả cho Sở Tư pháp		09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc từ ngày nhận được kết quả bổ sung, làm rõ hoặc xác minh thông tin	Quyết định miễn nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên.
B9	Sau khi nhận kết quả từ Chủ tịch UBND tỉnh, chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư Sở Tư pháp	04 giờ	Mẫu 05, 06; Quyết định miễn nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên.
B10	Trả kết quả cho cá nhân	Cán bộ	Giờ	Mẫu 01, 06; Quyết

		TN&TKQ	hành chính	định miễn nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên
	* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân. * Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ: motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx		
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx		
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx		
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx		
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ		

		 Mẫu 06.docx
	BM.CC.03.01	<i>Đơn đề nghị miễn nhiệm công chứng viên</i>  BM.CC.03.01.doc
4	HỒ SƠ LƯU:	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có), 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh miễn nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên;	
-	Quyết định miễn nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên.	
Hồ sơ được lưu tại Phòng HC&BTTP, thời gian lưu 02 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống đơn vị lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

4. Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.CC.04
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC:	
	Người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài được công nhận tương đương trong các trường hợp sau đây: - Có văn bản đào tạo nghề công chứng tương đương được cấp bởi cơ sở đào tạo ở nước ngoài theo quy định tại điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; - Có văn bằng đào tạo nghề công chứng được cấp bởi cơ sở đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài.	
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:	

	- Thủ tục hành chính đã đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình. - Thực hiện trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài <i>theo mẫu BM.CC.04.01</i> ;	x	
-	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử văn bằng và kết quả đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, được dịch ra tiếng Việt và bản dịch tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký người dịch.	x	x
	* Lưu ý: - Khi nộp hồ sơ yêu cầu bản sao: + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản gốc để đối chiếu. + Nếu nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính. + Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		
2.5	Thời hạn giải quyết: - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn).		
2.7	- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan được ủy quyền: Không.		

	- Cơ quan phối hợp: Không.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Tại Sở Tư pháp: - Hồ sơ đủ điều kiện: Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận; - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện xem xét, quyết định công nhận. Tại UBND tỉnh: - Hồ sơ đủ điều kiện: Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo về việc không đáp ứng yêu cầu/điều kiện quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ: B1. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (motcua.hatinh.gov.vn). 2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho cá nhân và thu phí theo quy định (nếu có). - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 02, 03 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính và Hỗ trợ tư	Cán bộ TN&TKQ	02 giờ	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo

	pháp (HC&BTTP) xử lý			
B3	Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng HC&BTTP	02 giờ	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	Xem xét thẩm định, xử lý hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu, điều kiện: Dự thảo văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài, dự thảo Quyết định công nhận. - Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu, điều kiện: Dự thảo Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện công nhận; Trình lãnh đạo phòng.	Công chức được giao xử lý hồ sơ	04 ngày làm việc	Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài, dự thảo Quyết định công nhận hoặc dự thảo Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện công nhận
B5	Xem xét, ký nháy duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B4, trực tiếp hoặc giao chuyên viên được giao xử lý hồ sơ trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng HC&BTTP	03 ngày làm việc	Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài, dự thảo Quyết định công nhận hoặc dự thảo Văn bản thông báo về việc công nhận đã ký nháy
B6	Phê duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B5, chuyển Phòng HC&BTTP để phát hành	Lãnh đạo Sở Tư pháp	02 ngày làm việc	Mẫu 05 và văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài, dự thảo Quyết định công nhận hoặc Văn

				bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện công nhận.
B7	Phát hành văn bản: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu, điều kiện: Gửi Chủ tịch UBND tỉnh văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài, dự thảo Quyết định công nhận và Hồ sơ kèm theo; - Trường hợp không đủ yêu cầu, điều kiện: Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện công nhận, chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; chuyển đến B10.	Văn thư	04 giờ	Mẫu 05 và văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài, dự thảo Quyết định công nhận và hồ sơ kèm theo. - Hoặc mẫu 05, 06; Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện công nhận
B8	Xem xét, quyết định việc công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài và chuyển kết quả cho Sở Tư pháp	Chủ tịch UBND tỉnh	09 ngày làm việc	Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài hoặc Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện công nhận.
B9	Sau khi nhận kết quả từ Chủ tịch UBND tỉnh, chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Mẫu 05, 06; Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài hoặc Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện công nhận.
B10	Trả kết quả cho cá nhân	Cán bộ TN&TKQ	Giờ hành	Mẫu 01, 06; Quyết định công nhận tương

			chính	đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài hoặc Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện công nhận.
	* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân. * Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ: motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx		
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx		
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx		
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx		
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ		

		 Mẫu 06.docx
	BM.CC.04.01	<i>Đơn đề nghị công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài</i>  BM.CC.04.01.doc
4	HỒ SƠ LƯU:	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có), 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh miễn nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên;	
-	Quyết định miễn nhiệm công chứng viên hoặc Văn bản thông báo của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chưa đáp ứng yêu cầu/điều kiện miễn nhiệm công chứng viên.	
Hồ sơ được lưu tại Phòng HC&BTTP, thời gian lưu 02 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống đơn vị lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành./.		